

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-6-2022

V/v : "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Nghĩa;
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2021, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1979 (Có mặt).

Trú tại: Thôn X, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1977 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn X, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày: Trước khi kết hôn chị và anh Nguyễn Kim T có thời gian tìm hiểu được một vài năm rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2006 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống tại thành phố Q, được một thời gian rồi chuyển về thôn X, xã P, huyện Tuy Phước sinh sống, chị làm giáo viên dạy trường mầm non xã P, huyện T còn anh T làm nghề tự do. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, làm không đưa tiền cho chị mà còn nợ nần chồng chất,

thời gian khi còn sống tại uthành phố Q chị đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Q nhưng sau đó chị rút đơn để anh T thay đổi, nhưng từ đó đến nay anh vẫn chứng nào tật nấy, nên năm 2021 chị tiếp tục làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện T, để yêu cầu ly hôn với anh T, nhưng anh T năn nỉ chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó anh T vẫn tính nào tật ấy. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 đứa con chung tên Nguyễn Lê A L1, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Lê Kha L2, sinh ngày 18/7/2014, hiện 02 con đang ở với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền 3.000.000đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết. Vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

Vắng mặt tại Tòa hôm nay, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Kim T trình bày: Anh thống nhất về thời gian, tìm hiểu chung sống, kết hôn của vợ chồng anh như chị S đã trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm ăn thua lỗ rồi dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên kinh cãi. Chị S đã hai lần làm đơn với anh, nhưng anh năn nỉ hứa thay đổi, nên chị S mới rút đơn, để vợ chồng đoàn tụ. Nay chị S tiếp tục xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn chị S cho anh cơ hội để sửa chữa, vợ chồng được đoàn tụ.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 đứa con chung là Nguyễn Lê A L1, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Lê Kha L2, sinh ngày 18/7/2014, hiện các con đang ở với chị S. Nay ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và thống nhất với yêu cầu của chị S là cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền 3.000.000đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết. Vợ chồng anh không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh.

-Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Kim T, giao hai con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của tòa án và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là anh Nguyễn Kim T đang cư trú tại Thôn X, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Lê Thị S và anh Nguyễn Kim T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vào năm 2006, nên hôn nhân giữa chị S và anh T là hợp pháp, chị S xin ly hôn với anh T với lý do là do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, làm không đưa tiền cho chị mà còn vay nợ bên ngoài, chị phải vay mượn gia đình để trả nợ cho anh T. Hội đồng xét xử xét thấy là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng trong thời kỳ hôn nhân, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm vợ con, làm không đưa tiền cho chị S chi tiêu trong gia đình mà còn vay nợ rất nhiều người, chị S đã hai lần đơn xin ly hôn với anh T, nhưng anh T hứa sẽ thay đổi sửa chữa, nên chị S rút đơn về chung sống với nhau, nhưng từ đó đến nay, anh T vẫn tính nào tặc tặc. Vì vậy có cơ sở xác định, hôn nhân giữa chị S và anh T, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho chị S được ly hôn với anh T.

-Về con chung: Chị S và anh T có hai con chung là Nguyễn Lê A L1, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Lê Kha L2, sinh ngày 18/7/2014, hiện các con đang ở với chị S. Nay ly hôn chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi hết hai con, nguyện vọng các con muốn tiếp tục ở với mẹ, anh T cũng đồng ý giao các con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử giao hai con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S và anh T thống nhất, là anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi đứa 1.500.000đ/tháng, mặc dù vắng mặt tại Tòa hôm nay, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý với mức cấp dưỡng trên và phù hợp với thu nhập hàng tháng của anh T, nên được chấp nhận.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị S, anh T phải chịu tiền án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm c, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Lê Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Kim T.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê A L1, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Lê Kha L2, sinh ngày 18/7/2014 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, hiện các con đang ở với chị S và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi đứa 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022 cho đến khi các con Nguyễn Lê A L1 và Nguyễn Lê Kha L2 tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí:

-Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, mà chị S đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006087 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

-Anh Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách nhà nước.

4.Chị Lê Thị S có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 14.6.2022), anh Nguyễn Kim T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự ,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quý Phúc

